

STREAM

Hỗ trợ quản lý nguồn lợi thủy sản trong khu vực

TẠP CHÍ STREAM

Học hỏi và trao đổi thông tin về đời sống của nông, ngư dân

Tập 1, Số 2 - Quý II/2002

Sáng kiến STREAM do AusAID, DFID, FAO, NACA và VSO tài trợ

Mục lục

Nỗ lực của một nông dân trong sản xuất cá giống tự nuôi sống bản thân	3
<i>Ras Behari và Ashish Kumar</i>	
Kỷ ức: khả năng bị bỏ sót	5
<i>Terrence Clayton</i>	
Đánh giá một quá trình	7
<i>Nick Innes-Taylor</i>	
Nhóm phụ nữ nuôi trồng thủy sản ở Nawalparasi, Népan	9
<i>S K Pradhan</i>	
Nuôi trồng thủy sản sử dụng tảo bám: Công nghệ bền vững dành cho nông dân thiếu nguồn lợi	11
<i>M E Azim, M A Wahab, M C JVerdegem, A A van Dam và M C M Beveridge</i>	
Mở khoá thông tin mạng Internet: Tổng hợp tin tức và Chọn lọc dữ liệu trong STREAM	13
<i>Paul Bulcock</i>	

LỜI NÓI ĐẦU

Khi đọc và trao đổi về sáu bài viết trong Số 2 Tập 1 Tạp chí STREAM, chúng tôi nhận thấy rằng mỗi bài, bằng cách này hay cách khác, đều phản ánh được mục tiêu khuyến khích sự học hỏi và trao đổi thông tin về sinh kế của nông, ngư dân mà STREAM đang hướng tới. Đầu tiên là câu chuyện của một nông dân, tiếp đó là câu chuyện tổ chức, rồi đến công việc giám sát hoạt động của chúng ta, bài học về thành công của chị em phụ nữ, kỹ thuật nuôi trồng thủy sản và cuối cùng là tiếp cận thông tin.

Bài viết đầu tiên bằng tiếng Hindi của Ras Behari Barak, sau đó được Ashish Kumar dịch sang tiếng Anh và bổ sung thêm khía cạnh hoạt động của Cục Nghề cá nơi ông đang công tác.

Tiếp đó, Terrence Clayton nêu lên giá trị của những biến cố lịch sử trong tổ chức chúng ta làm việc, đồng thời đề xuất các phương pháp giúp nhớ lại chúng.

Tháng 6 năm 2002, các đồng nghiệp của STREAM đã tham dự Hội thảo về *Giám sát Quá trình và Biến cố Quan trọng*, làm tiền đề xây dựng một hệ thống giám sát có tính sáng tạo tập thể. Nick Innes-Taylor, một trong những nhân vật chủ chốt của cuộc hội thảo, đã viết lại phần trình bày của mình trong bài thứ ba.

Trong bài viết thứ tư, ông S.K. Pradhan, với tư cách là Giám đốc Trung tâm Tin tức và Truyền thông Nông nghiệp – một đối tác của STREAM ở Népan - trình bày những tác động của hoạt động NTTS dưới hình thức nhóm đối với cuộc sống của phụ nữ.

Ở bài thứ năm, M E azim và đồng nghiệp của ông lại xem xét các tác động kinh tế xã hội có thể có từ mô hình nuôi trồng thủy sản sử dụng tảo bám.

Bài viết cuối cùng của Paul Bulcock mô tả công việc tổng hợp tin tức và chọn lọc dữ liệu nhằm khuyến khích người đọc sử dụng một số kỹ năng với mạng Internet mà STREAM đang cố gắng khai thác.

Trong khi số 2 tạp chí chuẩn bị được xuất bản, thì số 1 đang được dịch ra tiếng Khmer và tiếng Việt. Sắp tới, các Trưởng phòng Thông tin Quốc gia sẽ sớm gặp nhau tại cuộc họp trực tuyến đầu tiên. Họ sẽ trao đổi các biện pháp để đưa ấn bản tạp chí STREAM bằng tiếng phổ thông đến với các cộng đồng có liên quan đến quản lý nguồn lợi thủy sản ở Campuchia và Việt Nam với vai trò là một công cụ thông tin quan trọng.

Chúng tôi hết sức vui mừng được nhận những đóng góp của các đồng nghiệp VSO về tạp chí STREAM số đầu tiên. Ronet Santos đã nhận được nhiều yêu cầu có thêm thông tin về Benjamin và các phương pháp của VSO. Các bạn hẳn còn nhớ, câu chuyện về Benjamin là bài viết đầu tiên đăng trên Số 1 Tập 1 Tạp chí STREAM.

Chúc các bạn tìm được nhiều thông tin bổ ích!

Graham Haylor, Giám đốc STREAM

William Savage, Biên tập viên Tạp chí STREAM

Nỗ lực của một nông dân trong sản xuất cá giống tự nuôi sống bản thân

Ras Behari và Ashish Kumar

Bối cảnh

Cách đây không lâu, Jharkhan được tách ra khỏi Bihar thành một bang mang đặc điểm “bộ tộc” của Ấn Độ. Các vùng nông thôn ở đây toàn là núi rừng và hồ ao. Với số lượng hạn chế các bãi đẻ tự nhiên của loài cá trôi, việc chủ động về con giống có chất lượng luôn là một vấn đề bức xúc đối với những người nuôi trồng thủy sản (NTTS) ở Jharkhand. Trước đây, khi nguồn cá tự nhiên ở các con sông Kosi, Sone và Ganga của Bihar còn tương đối nhiều, những nông dân và cả Cục Nghề cá Bang đã vớt giống từ con sông này, rồi dần dần chuyển đến lấy ở miền bắc Bihar. Ngày nay, do giống tự nhiên đã trở nên khan hiếm mà người dân phải trông chờ vào các trại giống ở miền Tây Bengal. Hàng triệu giống cá, cá con và cá bột từ Tây Bengal được đưa đến Jharkhand bằng nhiều phương tiện vận chuyển khác nhau, giúp nông dân Tây Bengal thu được hàng triệu rupi. Cục Nghề cá Bang Jharkhand đang xây dựng và sắp xếp lại hệ thống các trại nuôi, nhưng quá trình này cần được mở rộng hơn nữa về quy mô để có thể đáp ứng nhu cầu cho tất cả các thủy vực của bang. Hiện tại, 45-50% các thủy vực còn chưa được đưa vào sử dụng vì thiếu cá giống, ngân sách hạn hẹp và do người nông dân chưa có ý thức về lợi ích của việc nuôi trồng thủy sản.

Nỗ lực của một nông dân

Ras Behari Baraik là nông dân một bộ tộc của làng Chhota Changru, tiểu khu Silli, huyện Ranchi, bang Jharkhand. Ông sinh ra ở đây và mồ côi mẹ năm lên năm tuổi. Bố ông quá nghèo nên việc nuôi nấng các con là một gánh nặng lớn. Gia đình thường xuyên phải lo chạy ăn từng ngày. Tình hình của những người nông dân khác của bộ tộc cũng tồi tệ không kém. Họ đã bán đất của mình cho người giàu ở làng bên và sống dựa vào công việc lật vật như lợp mái nhà hoặc gặt thuê cho các làng lân cận. Từ khi còn nhỏ, Ras Behari đã hiểu được hoàn cảnh của mình và cảm thấy rằng cần phải làm một việc gì đó để cứu gia đình mình, gia đình những người cùng cảnh trong làng khỏi chết đói. Làng Silli nằm sát với bang Tây Bengal - nơi mà những thương nhân thường lấy cá giống đến bán ở Bihar. Điều này khiến cụ Moti Lal Baraik – bố của Ras Behari – rất quan tâm. Cụ liền mua giống từ huyện Purulia và Jhalda của Tây Bengal rồi bán cho các chủ ao ở Silli. Công việc buôn bán được bắt đầu, và khi Ras Behari lớn lên cũng tham gia giúp đỡ cha mình. Lớn hơn chút nữa, ông có dịp đến những nông hộ ương giống ở Purulia, rồi ở Howrah và Lilua – địa bàn tập trung các trại giống. Từ những gì quan sát được, ông nảy ra ý nghĩ rằng nếu việc cho cá đẻ không tiến hành được, thì có thể thử ương từ cá bột lên cá hương hay không.

Sự khởi đầu

Ras Behari bắt đầu ương nuôi cá giống từ những lần đi đến Bankura và Lilua - nơi ông đã được một người có kinh nghiệm tên là Shyamal Biswas hướng dẫn những kỹ thuật cơ bản. Ông hiểu rằng mình hoàn toàn có thể ương được từ cá bột lên cá giống trong làng mình để bán cho các chủ ao gần đó. Nhưng vấn đề bây giờ là ao nuôi.

Hỗ trợ của chính quyền

Cơ quan Hỗ trợ Nông dân Nuôi cá (CQHTNDNC) ở Ranchi (thủ phủ của Jharkhand) đã tìm cách giải quyết vấn đề này bằng cách cho ông thuê một ao ở Chhota Changru trong 10 năm và đứng tên ông cụ bố của Ras Behari. Hai cha con bắt tay vào công việc của mình từ việc mua giống ở Bankura vùng Tây Bengal, ương chúng thành cá giống và bán cho những người nuôi cá tìm đến họ. Cá giống của Ras Beharis lớn rất nhanh và ông trở nên nổi tiếng trong vùng. Điều này thúc đẩy ông ương tiếp hai vụ trong năm tiếp theo, đồng thời ông cũng bắt đầu huy động sự giúp đỡ của dân làng và trả lương cho họ để họ không phải đi nơi khác làm ăn. Sau vài năm, CQHTNDNC cho Ras Behari thuê một cái ao khác trong làng, cũng với thời hạn 10 năm, và Cục Nghề cá đã giúp ông đào 2 ao ương trên mảnh đất của mình. Ông còn được cung cấp các vật tư như trứng, lưới và thức ăn cho cá trong vòng một năm.



Ảnh: Ras Behari Baraik (trái) và Ashish Kumar (giữa) cùng với các dân làng bên một ao đầu thôn của làng Chhota Changru

Tình hình hiện tại

Hiện nay, Ras Behari đã có một cái xe tải nhỏ với hai toa hàng để vận chuyển giống đi đến những nơi xa xôi không chỉ ở Jharkhand mà còn tới cả bang Chhattisgarh. Vào mùa sản xuất giống, ông tuyển dụng 50-60 người làng vào làm các công việc kéo lưới, cho cá ăn, vận chuyển và bảo vệ. Sau 1 năm, ông thu được khoảng 75.000 – 100.000 sau khi đã trừ hết chi phí. Ông còn thuê ao từ các chủ tư nhân ở Tây Bengal rồi thả vào đó cá giống trong ao ương của mình, và chia sẻ lợi nhuận với chủ ao khi thu hoạch. Ras Behari đã gửi con trai đến Ranchi học cao đẳng. Nhờ những nỗ lực của ông, người làng nay đã đủ ăn và không phải lo lắng về miếng cơm manh áo nữa. Ras Behari đã trở thành vị cứu tinh của dân làng.

Kế hoạch trong tương lai

Mặc dù đã đạt được những thành công ban đầu, nhưng Ras Behari chưa hài lòng. Ông đang dự định xây một trại giống có thể cho cá đẻ và đáp ứng nhu cầu cá giống ở một khu vực lớn. Ông tin rằng mình có đủ khả năng điều hành trại nuôi với quy mô tùy ý.

Ras Behari Baraik là nông dân ở Ranchi, còn Ashish Kumar là Phó Cục trưởng Cục Nghề cá Bang Jharkhand, Ấn Độ. Có thể gửi thư điện tử cho 2 tác giả theo địa chỉ ashishkumar-1in@yahoo.com.

Kỷ ức: Khả năng bị bỏ sót

Terrence Clayton

Những câu hỏi liên quan đến tổ chức

Cho rằng bạn đã từng hoặc đang làm việc cho một tổ chức nào đó, hãy thử nghĩ đến nó. Nó đã bắt đầu như thế nào? Mùng tượng trở lại đầu tiên là gì? Đầu là những sự kiện mang tính bước ngoặt trong lịch sử của tổ chức? Có bao nhiêu đồng sự, bao nhiêu đối tác đã từng cộng tác với tổ chức? Hiện tại những người đó đang ở đâu?

Trong một vài năm qua, tôi đã làm việc cho nhiều tổ chức khác nhau và rất ngạc nhiên khi gặp một số người có khả năng nhớ được quá khứ cách đây một hoặc hai năm. Tại sao lại như vậy, và vì sao điều này lại cần phải được chú ý?

Lịch sử là một dạng tài nguyên

Hãy coi đến lịch sử hình thành và phát triển tổ chức của bạn là một thứ tài nguyên chưa được khai thác. Thường xuyên theo dõi những người đã từng cộng tác với tổ chức mình chính là xây dựng mạng lưới bạn bè và đồng nghiệp cho bạn. Gửi bản tin hoạt động hoặc một thiệp chúc mừng năm mới đến cho họ chính là những cơ chế giúp bạn cập nhật được số địa chỉ thư tín và đồng thời giúp mọi người nhớ đến bạn. Tôi có quen một cán bộ nhà nước từng tham gia hội thảo sinh thái sông ngòi tại một viện nghiên cứu cách đây 10 năm. Cho đến nay, ông vẫn luôn nhận được tờ bản tin của viện nghiên cứu đó. Ông hết sức cảm động khi thấy rằng họ vẫn nhớ đến mình. Nếu như viện này cần đến sự giúp đỡ của một đối tác trong vùng, thì bạn có thể chắc chắn một điều rằng ông ấy sẽ có mặt ở đó để giúp họ.

Trong quá trình giúp một tổ chức quản lý lưu trữ hồ sơ, tôi phát hiện ra rằng ở đất nước nơi họ làm việc đã từng có một Ủy ban Môi trường Quốc gia. Những người trước đây là những nhân viên dưới quyền thì bây giờ đã trở thành các Tổng giám đốc và Thứ trưởng. Nhưng có điều là chẳng có ai trong tổ chức đó nhớ về sự tồn tại của một ủy ban như thế, cũng như những mối quan hệ mà họ đã từng có với những quan chức hiện thời. Trường đại học nào cũng có Hội Cựu sinh viên, vậy sao các tổ chức phát triển lại không thể có những hiệp hội tương tự?

Những tài liệu và chồng sách

Rất ít các tổ chức mà tôi đã từng đến quan tâm đúng mức đến hồ sơ tài liệu của mình. Hầu hết đều sử dụng hệ thống lưu trữ đơn giản theo một kiểu nhất định, tuy nhiên tôi chưa thấy tổ chức nào quản lý tài liệu một cách có hệ thống, giúp cho mọi người định hướng được phải làm gì đối với một tài liệu tình cờ được đặt trên bàn họ, chẳng hạn như cất chúng ở đâu, giữ chúng làm tài liệu tham khảo thường xuyên trong bao lâu, xử lý chúng thế nào sau một năm, hai năm, mười năm. Điều này đặc biệt quan trọng nếu tổ chức của bạn thường xuyên phải luân chuyển một số lượng nhân viên lớn, hoặc tuyển dụng những chuyên gia tư vấn ngắn hạn. Khi mỗi nhân viên hoặc chuyên gia tư vấn thôi việc, họ thường để lại nhiều sổ sách và tài liệu. Nếu không có hệ thống quản lý tài liệu tốt thì người kế nhiệm sẽ gạt chúng sang một bên. Tôi đã từng thấy những chồng tài liệu như vậy cao đến cả mét, thường đặt bên cạnh dãy tủ hồ sơ còn trống một nửa. Bạn không thể bỏ đi cả chồng tài liệu đó mà không chọn lọc theo từng mục, vì làm sao bạn biết trong đó có thể có những gì?

Từ đầu đến cuối

Mỗi hoạt động do một tổ chức thực hiện đều có quá trình diễn biến riêng. Có thể một số người hoặc nhóm người khác nhau tham gia thực hiện hoạt động đó ở một thời gian nhất định. Chuyên gia tư vấn được thuê để đưa ra những khuyến nghị, liên hệ với đối tác, trao đổi công văn và thư tín, soạn thảo và ký biên bản thỏa thuận. Trên đường đi, có nhiều vấn đề nảy sinh và được giải quyết. Có bao nhiêu tổ chức có thể nhanh chóng tìm ra được tất cả những diễn biến của một hoạt động? Tại sao họ phải làm như vậy? Vì người ta thường cảm thấy tự tin trong mọi tình huống khi họ biết được tiến trình "từ đầu đến cuối" của sự việc.

Một lần, tôi được giao nhiệm vụ giúp tổ chức một loạt các hội thảo khu vực và quốc gia cho một nhóm chuyên gia tư vấn xây dựng một bộ văn bản hướng dẫn để bốn nước phê chuẩn. Ban đầu, có người đặt vấn đề không biết trước đây đã có công việc tương tự như vậy xảy ra chưa. May thay, tổ chức này có một trung tâm tư liệu tốt và nhờ vậy chúng tôi có thể nhanh chóng viết ra lịch sử vấn đề của dự án - bắt đầu từ năm 1982. Mọi người đều kinh ngạc vì trước đây đã có nhiều công sức bỏ vào dự án này. Nhờ có

một nền tảng lịch sử mà dự án có một khía cạnh mới để giải quyết, đồng thời nhiều câu hỏi hữu ích cũng được đặt ra.

Do đó, liệu các tổ chức có thể sử dụng đồng tiền tốt hơn hay không nếu các chuyên gia tư vấn được cung cấp những tư liệu có tính lịch sử như vậy trước khi họ đến? Mọi người có thấy hài lòng hơn với việc làm của mình hay không nếu họ cảm thấy họ đang đóng góp vào cả một tiến trình lịch sử chứ không chỉ là hoạt động trong hai hay ba tháng?

Tính “hay quên” của tổ chức

Các tổ chức thường “hay quên”, và nhiều thứ đã bị bỏ sót vì khả năng của bộ nhớ ít khi được chia sẻ rộng rãi. Mỗi tổ chức đều có những “người lính già” của mình – những người có thể nhớ được mọi thứ, và cả những cái hộp tài liệu và tranh ảnh. Tất cả những gì bạn phải làm là hỏi. Điều này chỉ có ý nghĩa khi “người lính già” đó làm việc cùng bạn và sẵn sàng chia sẻ thông tin với bạn. Tôi đã từng làm việc với một tổ chức mà trụ sở chính có hơn 100 nhân viên, mà chỉ 5 người trong số đó gắn bó với tổ chức với thời gian hơn 7 năm. Nhưng gần như chẳng có ai trong tổ chức biết đến 5 người này. Những người “mới” phải mất nhiều thời gian và công sức để tìm hiểu quá khứ, khi mà những tư liệu sống của quá khứ ấy vẫn thường qua lại nơi hành lang.

Một hệ thống lưu trữ có tính chuyên nghiệp là cơ sở để củng cố lại bộ nhớ cho tổ chức. Nếu bạn không biết phải bắt đầu từ đâu, hãy gõ dòng chữ “records management” (quản lý hồ sơ lưu trữ) vào ô “search” (tìm kiếm) trên các trang internet và chờ đợi những chỉ dẫn có ích. Bạn đừng sử dụng phần mềm của máy tính, và đừng nên bắt đầu công việc khi bạn chưa phân tích một cách hợp lý về hệ thống những gì bạn cần. Và hãy nhớ rằng, cho dù tình trạng hồ sơ tài liệu của bạn bây giờ có thể thế nào chăng nữa, thì mọi việc vẫn chưa quá muộn để có thể bắt đầu.

Một lịch sử sống động của tổ chức

Giữ tài liệu của bạn thật cẩn thận là một khởi điểm cần thiết nhưng quan trọng hơn là cần tạo ra cảm giác về một “lịch sử sống động” của tổ chức bạn. Một bộ sưu tập ảnh tốt có ý nghĩa rất quan trọng. Bạn phải tạo thói quen cho mọi người trong tổ chức của mình lưu lại các chi tiết cơ bản như “ai, cái gì, ở đâu, khi nào và tại sao” đối với từng bức ảnh mà họ chụp. Nếu không có những thông tin này, ngay cả các bức ảnh quan trọng được chụp đẹp nhất cũng trở nên vô dụng khi được xuất bản hoặc trưng bày.

Thực ra, tranh ảnh không được sử dụng nhiều lắm nếu chúng không được trưng bày. Ở các tổ chức mà tôi đã từng làm việc đều có một bảng tin với những bức ảnh chụp nhanh về các sự kiện mới xảy ra, nhưng tôi chưa thấy chúng được sắp xếp theo trình tự diễn biến của hoạt động. Bạn thử hình dung xem, việc làm đó sẽ có tác động thế nào đối với những người lần đầu tiên đến văn phòng của bạn?

Hãy bắt tay vào viết về lịch sử tổ chức của bạn. Cùng với sự giúp đỡ của một chuyên viên về quan hệ công, tôi đã tổng kết được lịch sử 50 năm của một tổ chức trong 3 trang văn bản. Những “đầu ra” (một trang web và một tờ bướm gấp 3) bản thân chúng đều là những công cụ thông tin có giá trị, nhưng tường thuật lại câu chuyện một cách tuần tự về thời gian cũng quan trọng không kém. Nó giúp chúng ta xác định được các sự kiện trọng đại, các tư liệu lịch sử và tranh ảnh quan trọng, bổ sung những gì còn thiếu sót trong việc thu thập tài liệu và xác định chủ đề để trưng bày.

Phần lớn chúng ta đều bận rộn với các sự kiện hàng ngày và lên kế hoạch cho tương lai nên không có thời gian để nhìn lại quá khứ. Đây là điều không hay, vì nếu một tổ chức không thể nhớ lại quá khứ của mình thì cũng không thể có được một nền tảng vững chắc cho tương lai. Với một vài hệ thống đơn giản và một số thay đổi nhỏ trong quá trình thực hiện, hầu hết các tổ chức có thể tận dụng tốt hơn nguồn “tài nguyên lịch sử” phong phú của mình.

Terrence Clayton là nhà biên tập, nhà văn, nhà nghiên cứu và là chuyên gia tư vấn tự do trong lĩnh vực xây dựng năng lực và thông tin phục vụ phát triển. Ông hiện đang sinh sống tại Udonthani ở miền đông bắc Thái Lan. Có thể liên lạc qua thư điện tử theo địa chỉ: k1look@hotmail.com hoặc davidjohnclayton@hotmail.com

Đánh giá quá trình

Nick Innes-Taylor

Bài viết này nói về tầm quan trọng của việc đánh giá một quá trình phát triển. Qua bài này, chúng tôi cố gắng đưa ra một số hướng dẫn về việc làm thế nào để gắn việc giám sát với một quá trình sự phát triển có sự tham gia của cộng đồng. Lượng hoá quá trình phát triển không chỉ giúp các cơ quan, tổ chức phát triển “đo lường” được thành công của mình mà còn giúp các cơ quan, tổ chức này học hỏi nâng cao hiệu quả hoạt động. Việc giám sát một quá trình có thể còn đóng vai trò trung tâm trong việc khuyến khích và hỗ trợ sự tham gia của các đối tác.

Từ hoạt động giám sát và đánh giá đến giám sát quá trình

Trong những năm gần đây, việc giám sát và đánh giá (viết tắt là GS - ĐG) các sáng kiến phát triển ngày càng được chú ý, vì người ta đã thấy rằng một hệ thống GS - ĐG có hiệu quả sẽ đem lại những lợi ích không nhỏ. Các sáng kiến phát triển thường giải quyết các vấn đề phức tạp về những biến đổi chính trị, văn hoá và xã hội. Gần đây đã có nhiều bước tiến đáng kể trong việc định lượng tiến trình phát triển. Đặc biệt, khi các phương pháp tiếp cận có sự tham gia của cộng đồng ngày càng được chấp nhận rộng rãi thì những đối tượng hưởng lợi của phát triển càng có khuynh hướng trở thành một phần của quá trình GS - ĐG. Trong khi người ta cho những cải tiến này là tích cực, thì vẫn còn có mong muốn xây dựng hệ thống GS - ĐG làm đơn giản hóa bản chất phức tạp của phát triển – những quá trình thường có đặc trưng là khó hiểu và ít rõ ràng - và tập trung đánh giá tác động. Tác động phát triển được coi là điểm mấu chốt, và trong khi sự mong muốn đánh giá nó có những lý do dễ hiểu, thì vẫn còn nhiều trở ngại đối với cách tiếp cận được đơn giản hoá này. Nhưng chỉ nhìn vào "đoạn cuối" của quá trình phát triển, thì khó có thể nêu được các vấn đề như tính tương quan, hiệu quả và hiệu suất.

Một vấn đề nữa là số liệu cứng về tác động phát triển thường thu thập rất khó và tốn kém. Chúng ta cũng khó tổng hợp và giải thích các số liệu về những thay đổi trong môi trường chính trị, văn hoá và xã hội của người hưởng lợi hay những thay đổi về môi trường tự nhiên. Việc thu thập và phân tích các số liệu cần nhiều đầu tư lớn về tài chính và nguồn nhân lực – những vấn đề rất khó giải quyết. Chỉ tập trung giám sát đánh giá vào cuối quá trình cũng có nghĩa là các bước tiến hành khác ít được quan tâm đến. Đối với những tổ chức chú trọng vào tính bền vững, đây là một vấn đề nan giải, vì chỉ khi đánh giá toàn bộ quá trình phát triển thì các tổ chức và cá nhân mới học được cách thích nghi với sự thay đổi.

Vấn đề nữa với hệ thống GS - ĐG tập trung tại cuối quá trình phát triển là nó thường quá tập trung vào tầm quan trọng của "cái gì" đã được thực hiện và giảm bớt tầm quan trọng của "làm thế nào". Đây là điều đáng tiếc, vì tập trung nhiều hơn vào việc sự phát triển này được thực hiện thế nào chắc chắn sẽ tạo ra được nhiều thành tựu quan trọng hơn, đặc biệt trong việc trợ giúp những người nghèo hơn trong xã hội. Phát triển "như thế nào" và "cái gì" đều quan trọng ngang nhau và cần xây dựng hệ thống GS - ĐG để đánh giá toàn bộ quá trình phát triển. Việc theo dõi quá trình đem lại thông tin không chỉ về tác động của sự phát triển mà còn sự thích hợp của việc can thiệp, tính hiệu quả và hiệu suất mà quá trình phát triển trải qua.

Lợi thế: sự tham gia, tính linh hoạt, trách nhiệm và tính minh bạch

Trong khi lợi thế của việc giám sát quá trình đã rõ ràng, thì trong thực tế công việc này vẫn chưa được chấp nhận và áp dụng rộng rãi. Một số người cho rằng quá trình phát triển là một cái gì đó cần được thiết lập, tiêu chuẩn hoá và công thức hoá trước khi thực hiện, nếu các công thức càng chi tiết thì khả năng thành công càng lớn. Trong trường hợp này, theo dõi một quá trình phát triển ít có giá trị ngoại trừ việc kiểm tra xem "công thức" có được tuân thủ đúng hay chưa. Những nhà phát triển phải chịu trách nhiệm trước công thức này (ví dụ, Dự án Pips - Kế hoạch hoạt động của dự án), xem việc theo dõi quá trình là một cách gọi tên khác đối với công việc mà họ thực sự đang làm.

Lợi thế của việc giám sát quá trình chỉ trở nên rõ ràng khi sự phát triển được nhiều người tham gia, có tính linh hoạt và không tuân theo các quy định trước của nhà tài trợ (hoặc đại diện của họ), và khi mục tiêu, kế hoạch, phương pháp luận được những cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan đánh giá thường xuyên. Khi trách nhiệm được làm rõ ở cấp cộng đồng địa phương, việc theo dõi quá trình phát triển có thể tiết kiệm được chi phí và đem lại nhiều thông tin.

Đối với các cán bộ của nhà nước và cộng đồng địa phương, việc đặt ra các chỉ tiêu là khá dễ dàng. Các nhà quản lý ở địa phương thường xây dựng một cơ chế chịu trách nhiệm và cố gắng thực hiện cơ chế này một cách "minh bạch". Hiểu biết tốt hơn về cách thức tiến hành công việc sẽ thúc đẩy việc xây dựng mối quan hệ tin cậy cho việc phân quyền, phân cấp sâu rộng hơn. Nếu không minh bạch, các tổ chức phát triển cảm thấy miễn cưỡng khi uỷ quyền trách nhiệm quản lý cho cấp địa phương và điều này

sẽ hạn chế sự tham gia của đối tác. Do đó, đánh giá quá trình có thể coi là hoạt động hỗ trợ có hiệu quả sự phát triển có sự tham gia của cộng đồng.

Những bài học

Đây là những bài học thu nhận được từ những kinh nghiệm hỗ trợ cơ quan chính quyền huyện và tỉnh trong khu vực để xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá cho các quá trình:

Xây dựng hệ thống giám sát hiện có:

- Để hệ thống giám sát quá trình có hiệu quả, cần có sự làm chủ và tham gia rộng rãi của người dân địa phương. Nói chung có nhiều cách đánh giá đã được thiết lập, nhưng những hệ thống và chỉ số đó có thể không chính thức và chưa được ban hành. Điều quan trọng là phải hiểu được các hệ thống này và xây dựng các hệ thống mới từ các chỉ số, từ đó cung cấp cho các cơ quan, tổ chức những phương pháp mới để phân quyền và thu hút sự tham gia của nhiều người.

Đào tạo về hệ thống giám sát:

- Càng nhiều đơn vị, cá nhân hữu quan hiểu được hệ thống giám sát mà họ tham gia càng tốt. Điều này giúp nâng cao tính hiệu quả của hệ thống và tạo ra sự hiểu biết chung về các chỉ số và mục tiêu.
- Dành thời gian và công sức để giải thích các chỉ số của quá trình cho các đối tác. Việc hiểu biết về đánh giá quá trình là không dễ dàng nếu bạn được đào tạo hoặc tạo những điều kiện chỉ để suy nghĩ về các chỉ số tác động.

Các chỉ số cần một hệ thống để cập nhật và đánh giá thường xuyên

- Các chỉ số cần được cập nhật thường xuyên, cần có một hệ thống đánh giá chỉ số khoa học để thực hiện việc này một cách hiệu quả. Ủy quyền để quản lý chỉ số (ví dụ, lên kế hoạch đánh giá chỉ số hoặc tóm tắt hoặc trình bày số liệu) và báo cáo chỉ số. Xây dựng một hệ thống lưu trữ và tìm kiếm các số liệu và báo cáo về chỉ số.
- Báo cáo về chỉ số cũng cần được lưu trữ và cập nhật thường xuyên. Mỗi báo cáo chỉ số cần mô tả chi tiết về số lượng, chất lượng và thời gian. Do đó, phải đặc biệt chú ý đến việc xây dựng mẫu báo cáo chỉ số có "chất lượng".
- Cần xây dựng năng lực để thiết lập chỉ số trong khi xây dựng hệ thống giám sát.

Theo dõi nhiều hơn và giảm bớt đánh giá

- Xây dựng một hệ thống giám sát phù hợp sao cho có thể khuyến khích quá trình giám sát và đánh giá nội bộ được thực hiện liên tục. Tạo điều kiện để để những người đánh giá có thể dễ dàng "tham gia" quá trình này. Mặc dù những đánh giá chính thức thường rất cần thiết, nhưng chúng có xu hướng làm mọi người hoảng sợ.

Đánh giá "những việc nhỏ"

- Các chỉ số được coi là tốt nếu chúng đơn giản và không gây tốn kém khi đánh giá. Khi xây dựng chỉ số của một quá trình, hãy khuyến khích mọi người xác định "những việc nhỏ nhất" trong công việc của mình. Đó là những việc rất dễ đánh giá nhưng giúp chỉ rõ một sáng kiến phát triển có tiến triển như mong đợi hay không, vì chúng có thể liên quan đến tác động và các giai đoạn khác của quá trình.

Nick Innes-Taylor là Cố vấn Phát triển làm việc tại Thái Lan, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Campuchia và Việt Nam về các vấn đề thể chế trong quản lý nguồn lợi thủy sản. Có thể liên hệ với tác giả theo địa chỉ <nick@udon.loxinfo.co.th>.

Nhóm phụ nữ Nuôi trồng Thủy sản ở Nawalparasi, Nepal

S K Pradhan

Quá trình hình thành

Kể từ khi chính phủ hoàng gia Nepal phê chuẩn phương pháp nhóm trong khuyến nông vào năm 1991, nhiều nhóm nông dân đã được hình thành ở nhiều huyện khác nhau, một số nhóm được thành lập trên cơ sở sản phẩm mà họ tạo ra, một số nhóm khác lại được phân chia theo giới.

Ở huyện Nawalparasi, các nhóm phụ nữ đã được hình thành để nuôi trồng thủy sản (NTTS) trên 202 ao cộng đồng và 9 vùng đầm lầy. Năm 1995, Phòng Phát triển Nông nghiệp Huyện (PPTNNH) thông qua hoạt động khuyến ngư đã thành lập những nhóm phụ nữ đầu tiên tham gia NTTS để tạo nguồn thu nhập. Với 7 nhóm thành lập vào năm 1997, thành công ban đầu của họ đã khuyến khích sự ra đời của các nhóm khác, và hiện tại đã vượt qua con số 30 nhóm với 600 thành viên nữ - mỗi phụ nữ đại diện cho một gia đình.

Mục tiêu và hoạt động của nhóm

Mục tiêu của nhóm phụ nữ NTTS là:

- Nâng cao vị trí, vai trò của nữ nông dân
- Sử dụng tối đa nguồn nhân lực và nguồn lợi ở địa phương
- Tạo chuyển biến về kinh tế xã hội cho những phụ nữ nghèo hoặc không có đất ở nông thôn
- Tăng sản lượng nuôi trong các ao cộng đồng
- Tập huấn cho nữ nông dân về các phương pháp nuôi cá tiên tiến
- Cải thiện điều kiện dinh dưỡng nông hộ bằng nguồn cá tươi được sản xuất tại chỗ

Hoạt động mà nhóm thực hiện bao gồm:

- Áp dụng phương pháp nuôi cá "tiên tiến" tại các ao cộng đồng
- Giúp các nhóm phụ nữ thuê ao từ chính quyền địa phương (Ủy ban Phát triển Huyện, Ủy ban Phát triển Thôn bản)
- Tiết kiệm, tín dụng và cho vay giữa các thành viên nhóm
- Họp hàng tháng để giải quyết các vấn đề
- Công tác xã hội như giúp đỡ các câu lạc bộ, trường học, giúp tổ chức đám cưới ở địa phương

Chương trình hỗ trợ cho các nhóm

Từ tháng 7 năm 1997 đến tháng 3 năm 1999, Tổ chức Lương nông Liên Hiệp Quốc (FAO) đã tài trợ cho các nhóm phụ nữ ở Nawalparasi phát triển nuôi trồng thủy sản trong khuôn khổ dự án *Chương trình đặc biệt về sản xuất lương thực thực phẩm nhằm hỗ trợ an ninh lương thực ở Nepal* (SPIN - SPFP/NEP 4501). Theo dự án này, những cán bộ khuyến ngư đã giúp thành lập mới các nhóm phụ nữ nuôi cá ứng dụng kỹ thuật tiên tiến tại các ao cộng đồng. Họ tổ chức tập huấn kỹ thuật tại chỗ, đặc biệt là về phương pháp nuôi cá cơ bản và nuôi kết hợp cho bà con. Ngoài ra, họ còn tổ chức các chuyến khảo sát cho phụ nữ đến thăm trại nuôi cá tư nhân và nhà nước. Trong năm đầu tiên của dự án, các nhóm được cung cấp những vật tư như cá giống, thức ăn, phân bón và vôi. 13 nhóm phụ nữ còn được cấp mỗi nhóm từ 5.000 đến 8.000 ru-pi Nê-pan để cải tạo ao và hỗ trợ hậu cần như mua lưới, xe đạp, cân, xô và ca nhựa.

Tổ chức FAO cùng với Phòng Trợ giúp Nữ nông dân thuộc Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã cũng đã triển khai một dự án tạo thu nhập nằm trong chương trình *Lương thực Từ xa* của FAO với Nhóm NTTS Janajyoti ở Manjharía. Qua dự án này, Nawalparasi đã xây dựng một xưởng sấy cá với sự trợ giúp kỹ thuật của PPTNNH và Phòng Thí nghiệm Thực phẩm Trung tâm ở Kathmandu. Từ khi hoàn thành vào cuối năm 1999, việc sản xuất cá khô đã đi vào hoạt động trong tháng 1 năm 2000, và sau đó dự án được bàn giao lại cho các nhóm phụ nữ vào tháng 4 năm 2000.

Tác động

Cơ hội phát triển

Nghề nuôi cá đã chứng tỏ việc nâng cao vị trí, vai trò của phụ nữ và phát triển cộng đồng có vai trò rất tốt ở các vùng nông thôn nghèo của huyện Nawalparasi. Đào tạo kỹ thuật và cấp vốn cho các nhóm phụ nữ, cùng với sức lao động, sáng kiến và nguồn lợi (mặc dù có hạn) cho phép họ có thể góp phần cải

thiện dinh dưỡng cho cộng đồng của mình. Ngoài ra, thu nhập từ các hoạt động nuôi cá được quay vòng trong phạm vi cộng đồng, thông qua các dự án và khoản vay mới cho thành viên nhóm. Điều quan trọng là, mọi cánh cửa đều đã rộng mở đối với sự tiến bộ của nữ nông dân. Họ đang học hỏi những kỹ năng mới, bày tỏ các ý tưởng khác nhau và học hỏi kinh nghiệm từ một môi trường mà nhiều người trong số họ chưa bao giờ biết đến.

Sự đóng góp của phụ nữ

Các hoạt động của phụ nữ đã mang lại sự thay đổi rõ rệt về điều kiện kinh tế xã hội của thành viên nhóm NTTS. Chị em bắt đầu thể hiện vai trò lãnh đạo mạnh mẽ và khả năng tiếp xúc với nhiều tổ chức chính phủ, phi chính phủ để đem lại lợi ích cho nhóm. Phụ nữ đang bước trên con đường trở thành những nhà lãnh đạo có uy tín và được nể trọng trong làng bản. Con số hơn 600 thành viên ở 27 làng vẫn đang tiếp tục tăng, và hoạt động của các nhóm phụ nữ còn ẩn chứa rất nhiều tiềm năng đóng góp cho cộng đồng, gia đình họ và quan trọng nhất là đối với chính bản thân họ những lợi ích lâu dài và có ý nghĩa.



Sinh kế và dinh dưỡng

Các nhóm NTTS đang làm ăn có hiệu quả, với nguồn tiết kiệm từ các khoản tiền thu được do nuôi trồng thủy sản ngày một tăng lên. Năm 1998, 12 nhóm phụ nữ đã sản xuất được 1.3 tấn cá nước ngọt và thu được 105.500 rupi. Đầu năm 2000, tổng sản lượng thủy sản mà 28 nhóm phụ nữ thu được là 6.7 tấn (trên tổng diện tích 6.7 ha) và thu nhập là 401.405 rupi. Trong năm đầu tiên, xưởng sấy cá sản xuất và bán ra được 115kg cá khô. Với giá 500 rupi/kg, xưởng đã thu được 57.500 rupi. Do có cá ăn, điều kiện dinh dưỡng của các thành viên nhóm cũng như gia đình họ đã tốt hơn nhiều. Dân làng cũng nhờ đó mà dễ dàng mua được cá tươi để cải thiện.

Sử dụng kiến thức

Kiến thức về NTTS của thành viên các nhóm đã được nâng cao thông qua đào tạo tại chỗ và các chuyến khảo sát. Các nhóm còn mở lớp dạy chữ cho thành viên, giúp họ có thể tiếp cận được với lĩnh vực nuôi trồng thông qua ngôn ngữ viết. Chị em cũng gửi con cái đến trường nội trú để chúng được hưởng một nền giáo dục tốt hơn. Nhờ được tập huấn về những kỹ thuật nuôi cá "tiên tiến", chị em phụ nữ sẽ còn sản xuất nhiều cá hơn nữa ở địa phương trong thời gian sắp tới. Các ao cộng đồng của làng bản đã đưa vào sử dụng có hiệu quả, và chị em đang được khuyến khích nuôi cá trong hệ canh tác kết hợp. PPTNNH Nawalparasi sẽ tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật cho các nhóm phụ nữ này để họ duy trì hoạt động ổn định, lâu dài, góp phần bảo đảm an ninh lương thực ở địa phương.

S K Pradhan là Giám đốc Trung tâm Tin tức và Truyền thông Nông nghiệp, cựu Trưởng phòng Phát triển Nông nghiệp. Có thể liên hệ với tác giả theo địa chỉ agroinfo@wlink.com.np

Nuôi trồng thủy sản sử dụng tảo bám: Công nghệ bền vững dành cho nông dân thiếu nguồn lợi

M E Azim, M A Wahab, M C JVerdegem, A A van Dam và M C M Beveridge

Đặt vấn đề

Nuôi trồng thủy sản ở nông thôn có thể góp phần quan trọng trong xoá đói giảm nghèo, thông qua việc nuôi trồng quy mô nhỏ của hộ gia đình để tiêu thụ và tăng thu nhập và tạo việc làm. Mặc dù sản lượng thủy sản có thể tăng bằng cách cho ăn nhiều hơn, nhưng nhiều nông dân không có đủ điều kiện để thực hiện. Hệ thống nuôi trồng thủy sản sử dụng thức ăn thường xuyên cho cá cũng không hiệu quả: chỉ có khoảng 15-30% đầu vào chất dinh dưỡng được chuyển hoá thành sản phẩm có thể thu hoạch. (Acosta-Nassar và cộng sự, 1994; Gross và cộng sự, 2000). Nuôi trồng thủy sản sử dụng tảo bám có thể thay thế việc sử dụng thức ăn bổ sung và giúp tăng tỷ lệ chuyển hoá chất dinh dưỡng. Tảo bám là loài vi thực vật có thể sống trên các giá thể nhân tạo làm từ các nguyên liệu có sẵn ở địa phương như cành cây, thực vật ở nước, thân tre, cành tre, lõi đay, bã mía... rồi đưa vào ao cá. Cá có thể đến ăn quanh các giá thể này tốt hơn là ăn lọc các loài phù du sinh vật (Dempster và cộng sự, 1993). Sau đây chúng tôi xin trình bày một số kết quả từ việc thí nghiệm với tảo bám được tiến hành tại Trường Đại học Nông nghiệp Băng-la-đét (Mymensingh) do Ủy ban Châu Âu tài trợ.

Tác dụng của giá thể đối với sản lượng cá

Việc xác định tác dụng của tảo bám đối với sản lượng cá được thử nghiệm trên 10 ao cá, trong đó 5 ao được đóng cọc tre và 5 ao không có giá thể. Các ao này được bón phân hai tuần một lần và sử dụng thêm phân bò bán phân huỷ, phân urê và supephốtphát (TSP) với khối lượng tương ứng là 4.500, 150 và 150kg/ha. Tre được đóng thẳng xuống đáy ao (9 cọc/m²), làm mực nước dâng lên gần với bờ ao. Cá rôhu địa phương (*Labeo rohita*) được thả với mật độ 10.000 giống/ha. Kết quả là, sản lượng cá ở các ao có giá thể cao hơn 77% so với các ao còn lại. Khi cá cat-la (*Catla catla*) được thả cùng với rôhu trong ao có giá thể, thì sản lượng đạt cao hơn. Tỷ lệ thả hợp lý nhất là 60% rôhu và 40% catla, với sản lượng cao hơn 180% so với nuôi trong ao không có giá thể. Nếu thêm vào loài kalbaush (*Labeo calbasu*), nhưng vẫn giữ tỷ lệ ghép tối ưu giữa rôhu và cat-la, thì tổng sản lượng thu được tăng thêm 40%. Sản lượng nuôi kết hợp ba loài theo tỷ lệ rôhu:catla:kalbaush = 60:40:15 trong ao có tảo bám với thời gian nuôi 90 ngày là 2.306kg/ha, cao gấp 2,7 lần so với sản lượng 2.550 kg/ha bình quân hàng năm trên toàn quốc (Băng-la-đét) (FRSS, 2001). Mặc dù con số này chưa được kiểm chứng trên thực địa, nhưng nó đã thể hiện triển vọng khả quan của công nghệ này.

Cơ chế tăng sản lượng với hệ thống nuôi dùng tảo bám

Tảo bám là nguồn thức ăn bổ sung nhưng không làm cản trở sự phát triển của các loài sinh vật tự nhiên khác làm thức ăn cho cá trong hệ thống nuôi. Năng suất của ao có thể tăng gấp đôi bằng cách đặt thêm giá thể vào để mực nước dâng lên tới mức tương đương với 100% diện tích mặt ao. Các giá thể còn tạo ra nơi trú ẩn và tránh các loài thiên địch cho cá. Hàm lượng dinh dưỡng của tảo bám rất cao (đạm 23-26%, năng lượng 19-20 kJ/g ở dạng khô). Ngoài ra, chất lượng nước của hệ sinh thái cũng được cải thiện vì tảo bám giữ lại các chất rắn lơ lửng, tăng chất dinh dưỡng và sản xuất ôxy. Người ta còn chứng minh rằng lượng thực vật này khi được tiêu hoá vào cơ thể sẽ có tác dụng như một chất kháng sinh hoặc vắc xin (Azad và cộng sự, 1999). Vì cá rôhu ăn tảo bám và cá catla ăn thực vật phù du ở tầng nước trên, nên ít có sự cạnh tranh về thức ăn trong ao giữa hai loài này. Khi các thực vật phù du di chuyển qua, luồng sáng chiếu xuống nước tăng lên giúp cho cả thực vật phù du và tảo bám cùng phát triển. Việc quấy đảo trong ao có thả thêm kalbaush sẽ giải phóng các chất dinh dưỡng từ đáy ao lên tầng nước bên trên.



Ảnh: Ao thí nghiệm tại Đại học Nông nghiệp Băng-la-đét, Mymensingh

Tác động kinh tế xã hội

Việc thu tủa cá ở trong ao có giá thể là không khả thi, mặc dù nó có ý nghĩa đối với nhu cầu tiêu thụ cá thường xuyên của hộ gia đình. Tuy nhiên, nuôi trồng thủy sản sử dụng tảo bám có thể được ứng dụng lâu dài ở vùng Nam Á vì kỹ thuật đơn giản, mặt khác tận dụng được vật liệu và nhân công ở địa phương. Vì các hộ nghèo thường khó tiếp cận được với nguồn lợi, việc sử dụng tối ưu các vật tư, kể cả giá thể, là rất cần thiết. Cần phải xem xét về khía cạnh kinh tế và công nghệ trước khi đề xuất hoạt động này cho những nông dân nghèo thiếu điều kiện sản xuất, đặc biệt khi sử dụng nhiều lượng phân bón, urê và supephôtphát. Điểm mạnh của hệ thống này là không cần công nghệ cố định nào cả, mà chỉ cần những chỉ dẫn kỹ thuật linh hoạt phù hợp với nhu cầu, khả năng và nguồn lợi của người sử dụng.

Ngoài những lợi ích đem lại cho người nghèo, sản lượng gia tăng từ mô hình này cũng có thể hấp dẫn các hoạt động thương mại. Kết quả của việc áp dụng công nghệ nói trên ở quy mô rộng cần phải được xem xét. Nhu cầu tăng về vật liệu có thể khiến cho giá cả của chúng tăng theo và điều này hứa hẹn tạo ra thêm cơ hội việc làm phục vụ sản xuất và cung ứng giá thể. Một số nông sản phụ có thể là nguồn nguyên liệu quan trọng cho nuôi trồng thủy sản sử dụng tảo bám. Chẳng hạn, lõi đay là sản phẩm phụ của cây đay – loài cây từng được gọi là "sợi vàng của Băng-la-đét. Tuy nhiên, sợi đay ngày nay càng mất ưu thế trước sợi tổng hợp được phát minh từ hai thập kỷ trước. Nếu việc sử dụng lõi đay làm giá thể chứng minh được hiệu quả kinh tế của nó trong nuôi trồng thủy sản, thì "sợi vàng" có thể lại một lần nữa lên ngôi.

Tài liệu tham khảo

Acosta-Nassar, M V, Morell, J M và Corredor, J E 1994. Quỹ nitơ của ao cá nước ngọt bán thâm canh ở vùng nhiệt đới. Tạp chí Hiệp hội Nuôi trồng Thủy sản Thế giới số 25(2), 21-270.

Azad, I S, Shankar, K M, Mohan, C V và Kalita, B 1999 Vắc xin màng sinh học *Aeromonas hydrophila*: Tiêu chuẩn hoá liều lượng và thời hạn tiêm vào miệng các loài thuộc bộ cá chép. Tạp chí Miễn dịch học Ngư loại số 9, 519-528.

Dempster, P W, Beveridge, M C M và Baird, D J 1993. Tính ăn thực vật của cá rô phi vằn: So sánh tỷ lệ tiêu thụ thực vật phù du và tảo bám. Tạp chí Ngư sinh học số 43, 385-392.

FRSS 2001 – Thông tin Nguồn lợi Thủy sản Băng-la-đét 1999-2000. Đa-ka, Cục Nghề cá, Bộ thủy sản và chăn nuôi Băng-la-đét

Gross, A, Boyd, C E và Wood, C W 2000 Chuyển hoá và cân bằng nitơ trong ao nuôi cá tra. Đặc san Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản số 24, 1-14.

M E Azim, M C Verdegem và A A van Dam là thành viên Nhóm Nghề cá và Nuôi trồng Thủy sản, trường Đại học Wageningen, Niu Dilân. M A Wahab thuộc Ban Quản lý Nghề cá, trường Đại học Nông nghiệp Băng-la-đét. M C M Beveridge công tác tại Phòng Thí nghiệm Nghiên cứu Thủy sản, Perthshire, Scotlen, Vương quốc Anh. Có thể liên lạc với các tác giả thông qua địa chỉ thư điện tử của M E Azim: ekram.azim@alg.venv.wau.nl

(Ghi chú: nếu độc giả muốn thu thập tư liệu tham khảo ở các bài viết của Tạp chí STREAM, có thể liên hệ với các tác giả hoặc Biên tập viên).

Mở khoá mạng internet: Tổng hợp tin tức và chọn lọc dữ liệu cho STREAM

Paul Bulcock

Internet và vấn đề quản lý nguồn lợi thủy sản

Internet chứa đựng nguồn dồi dào thông tin số và thông tin được đăng tải về nhiều chủ đề gồm cả quản lý nguồn lợi thủy sản. Như đã đề cập trong số 1 Tạp chí STREAM, “nghệ thuật đưa kiến thức vào tay người sử dụng hiện đang phát triển rất nhanh” nhờ sự ra đời và áp dụng công nghệ thông tin và liên lạc mới (Raab và Woods, 2002). Đối với một số người, số lượng các trang web nảy nở không ngừng trên Internet cùng với đĩa CD-ROM và cơ sở dữ liệu số khổng lồ là những công cụ mở mang kiến thức quan trọng. Tuy nhiên, nhiều người còn ít hoặc chưa được tiếp xúc với Internet, và do có quá nhiều thông tin mà việc tìm kiếm, chọn lọc và lĩnh hội các vấn đề mà người sử dụng quan tâm hoặc có liên quan đến chúng trở nên rất khó khăn.

Do đó, một trong những hoạt động của sáng kiến STREAM là thu thập, đánh giá và phổ biến tin tức cho đối tác của mình thông qua các kênh trao đổi thông tin và hỗ trợ học hỏi. Quá trình có tên gọi *Tổng hợp tin tức và chọn lọc dữ liệu* đã bắt đầu được thực hiện với mục tiêu theo dõi các vấn đề trên sách báo, tạp chí và tuyên truyền rộng rãi cho các độc giả địa phương biết. STREAM đang cố gắng soạn thảo các báo cáo ngắn gọn dễ hiểu về con người, thủy sản và nuôi trồng thủy sản, và cho dịch ra tiếng phổ thông những báo cáo quan trọng tại các Phòng Thông tin Quốc gia của STREAM.

Lĩnh vực chính

Hàng tuần STREAM sử dụng cơ sở dữ liệu số để tổng hợp tin tức trên toàn thế giới qua các phương tiện truyền thông như báo, tạp chí để chọn lọc dữ liệu như được nêu trong bảng dưới đây.

Hàng tháng, STREAM sẽ ra báo cáo cập nhật và toàn diện về các vấn đề có thể được các đối tác quan tâm. Độc giả có thể dễ dàng lấy được bản báo cáo này từ trang web của STREAM hoặc dưới hình thức thư điện tử ngắn. Những người có yêu cầu sẽ được gửi bản in những báo cáo này từ Trung tâm Thông tin Quốc gia.

Ở một vài thời điểm nhất định, chúng tôi sẽ công bố các báo cáo đặc biệt về những vấn đề đang thu hút sự chú ý trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Các báo cáo sẽ được lưu trữ trên trang web của STREAM. Các đối tác của STREAM cần thông tin có thể gửi yêu cầu đến Trung tâm thông tin hoặc Văn phòng STREAM khu vực và sẽ nhận được bản tóm tắt về các vấn đề mình quan tâm. Trong nhiều trường hợp, các vấn đề có thể được cung cấp bằng tiếng bản xứ.

Những mảng tin tức và dữ liệu chủ yếu dành cho STREAM:

- Nuôi trồng thủy sản và sự phát triển
- Cộng đồng ven biển
- Hội nghị
- Mẫu thuẫn và tranh chấp
- Giới
- Sức khỏe và dinh dưỡng
- Pháp luật
- Sinh kế
- Tiếp cận thị trường và lựa chọn thương hiệu
- Thị trường
- Nuôi trồng thủy sản miền núi
- Nghèo đói với nguồn lợi thủy sản
- Nghèo đói với nghề cá
- Hợp tác khu vực
- Hàng rào mậu dịch

Ví dụ về các vấn đề hiện tại

Quá trình tổng hợp tin tức của STREAM theo dõi hàng nghìn mẫu tin ngắn và đưa lên trang web dưới dạng báo cáo; đến nay khoảng 100 tin đã được đăng tải qua các báo cáo này. Sau đây là hai ví dụ trích dẫn từ báo cáo tháng 6 năm 2002:

Hỗ trợ cả gói của EU đối với Campuchia:

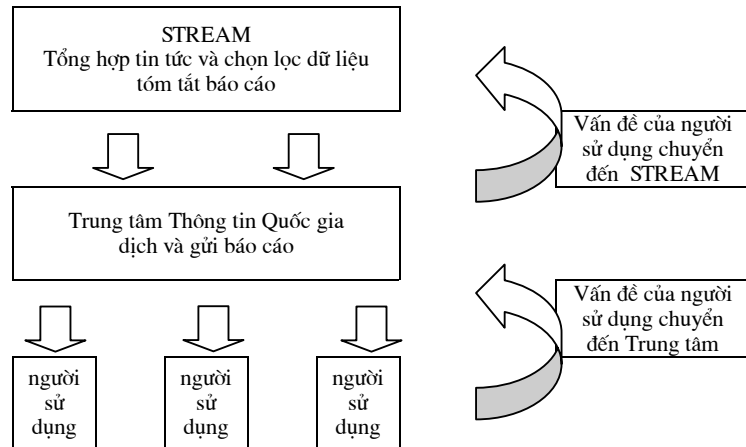
Ủy ban châu Âu (EU) gần đây tuyên bố gói phát triển hỗ trợ 3 năm cho vùng nông thôn Campuchia trị giá 67.7 triệu euro (khoảng 62 triệu đôla Mỹ). Dự án tập trung vào chăn nuôi và nuôi thủy sản, quản lý nước, đa dạng hoá canh tác, đào tạo nghề và rà phá bom mìn.

Sản xuất cá da trơn của Mỹ và Việt Nam

Tranh chấp thương mại tiếp tục giữa nhà sản xuất cá da trơn của Việt Nam và Mỹ tiếp tục chiếm vị trí áp đảo trên các bài viết về pháp luật thủy sản và nuôi trồng thủy sản. Thực ra, những nhà nhập khẩu cá da trơn từ các nước châu Á của Hoa Kỳ không thể gọi những sản phẩm như cá basa, cá tra hay bocourti là *da trơn* nếu chưa có sự phê chuẩn của Đạo luật An ninh Trang trại và Đầu tư Nông thôn ban hành năm 2002. Định nghĩa mới này hạn chế sử dụng nhãn hiệu “cá da trơn” nhằm bảo hộ việc nuôi giống cá này ở các trại cá miền đông nam nước Mỹ. Điều này buộc những loài cá của Việt Nam với bề ngoài gần giống cá da trơn của Mỹ phải được đặt một tên gọi khác (có thể là *basa*). Nhiều người xem đây là chính sách bảo hộ thương mại gây thiệt hại cho người nuôi cá da trơn của Việt Nam.

Tiếp cận Internet

Vì nhiều đối tác của STREAM thường không có sẵn các trang thiết bị truy cập Internet nên các Phòng Thông tin Quốc gia của STREAM sẽ giúp đối tác ở địa phương tham gia trao đổi. Yêu cầu thông tin về các vấn đề tác động đến đời sống người dân có thể gửi trực tiếp đến STREAM, và chúng tôi có thể tìm kiếm các báo cáo theo yêu cầu của đối tác (xem sơ đồ).



Sử dụng và phản hồi – những hoạt động quan trọng

Cho dù quá trình tổng hợp tin tức và chọn lọc dữ liệu của STREAM có thể đi tới đâu chăng nữa, nhưng hiệu quả của nó phụ thuộc vào việc sử dụng và phản hồi của các cơ quan đối tác, cá nhân và người sử dụng. Những đối tác của STREAM có mong muốn đăng ký các bản báo cáo hàng tháng, bản tin bằng thư điện tử và các báo cáo đặc biệt, hoặc thông tin về những vấn đề cụ thể của chính mình, xin gửi địa chỉ liên lạc của quý vị cho chúng tôi. Ngoài ra, độc giả nào có nhận xét, góp ý vào bảng liệt kê các mảng tin tức và dữ liệu ở trên, muốn đề xuất bổ sung thêm các lĩnh vực khác, hoặc có ý tưởng về những vấn đề cụ thể của các báo cáo đặc biệt thì cũng có thể liên hệ với STREAM theo địa chỉ ở cuối bài viết.

Tài liệu tham khảo

Raab, R T và Woods, J 2002. Đào tạo trực tuyến nhằm mở rộng kiến thức về nguồn lợi thủy sản. STREAM Tạp chí STREAM số 1 (1), 3-4.

Paul Bulcock là trợ lý nghiên cứu của STREAM. Có thể liên hệ theo địa chỉ: paul.bulcock@enaca.org.

Để biết thêm thông tin và đăng ký chuyên mục Tổng hợp tin tức và chọn lọc dữ liệu của STREAM, xin liên hệ với Paul Bulcock, vào địa chỉ <http://www.streaminitiative.org/k-3-2-2-1-4.html> hoặc liên hệ với Trưởng phòng Thông tin Quốc gia để được giúp đỡ.

VÀI NÉT VỀ TẠP CHÍ STREAM

Tạp chí STREAM được xuất bản bởi:

Sáng kiến Hỗ trợ quản lý nguồn lợi thủy sản khu vực (STREAM)
 Địa chỉ: STREAM Initiative
 NACA Secretariat
 Suraswadi Building
 Department of Fisheries Compound
 Kasesart University Campus
 Ladyao, Jatujak, Bangkok 10903, Thailand

Ban biên tập

Graham Haylor, Giám đốc STREAM
 Lê Thanh Lựu, Điều phối viên STREAM Việt Nam
 William Savage, Chuyên gia thông tin STREAM
 Thay Somony, Điều phối viên STREAM Campuchia

Mục đích

Tạp chí STREAM được xuất bản hàng quý nhằm thúc đẩy sự tham gia, thông tin liên lạc và chính sách hỗ trợ sinh kế của người nghèo sử dụng nguồn lợi thủy sản ở châu Á- Thái Bình Dương, và để xây dựng mối liên hệ về quản lý nguồn lợi thủy sản với các lĩnh vực khác của khu vực. *Tạp chí STREAM* nêu lên các vấn đề về những người có cuộc sống liên quan đến việc quản lý nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là những người có nguồn lợi hạn chế, các cơ quan, tổ chức chính phủ và phi chính phủ, các tổ chức quốc tế, cùng làm việc với cộng đồng. Các vấn đề này bao gồm việc học hỏi, quản lý tranh chấp, công nghệ thông tin liên lạc, quản lý nguồn lợi thủy sản, luật pháp, sinh kế, giới, sự tham gia của người dân, đối tác, chính sách và trao đổi thông tin.

Một mục đích quan trọng khác của Tạp chí STREAM là tạo cơ hội cho những người dân bình thường trình bày quan điểm của mình trong một ấn bản chuyên môn. Nội dung Tạp chí STREAM không nhằm mục đích phản ánh quan điểm của một tổ chức hay cơ quan cụ thể nào đó, mà thể hiện những tiếng nói của các cá nhân giới thiệu kinh nghiệm của riêng mình. Tác giả chịu trách nhiệm về nội dung bài viết, còn STREAM xác nhận và chịu trách nhiệm về biên tập và tổng quan.

Xuất bản

Tạp chí STREAM được xuất bản dưới ba hình thức:

- bản điện tử được in và phân phối từ các Trung tâm thông tin của STREAM
- bản điện tử có thể lấy từ trang web của STREAM tại địa chỉ www.streaminitiative.org
- bản in do Ban thư ký NACA phân phối

Tham gia đóng góp

Tạp chí STREAM khuyến khích sự tham gia đóng góp các bài viết về những vấn đề cần quan tâm liên quan đến sử dụng nguồn lợi thủy sản. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thể viết các bài báo về kinh nghiệm của mình (mỗi bài dài không quá 1000 từ, bằng tiếng Anh đơn giản) để đóng góp cho tạp chí.

Mọi sự tham gia đóng góp có thể chuyển tới William Savage, Tổng Biên tập tạp chí theo địa chỉ thư điện tử savage@loxinfo.co.th. Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với Graham Haylor, Giám đốc STREAM, theo địa chỉ ghaylor@loxinfo.co.th

TRAO ĐỔI THÔNG TIN VỀ STREAM

Hỗ trợ quản lý nguồn lợi thủy sản trong khu vực (STREAM) là sáng kiến nằm trong Chương trình hành động 5 năm của Mạng lưới Trung tâm Nuôi trồng Thủy sản châu Á - Thái Bình Dương (NACA). Mục đích của STREAM là hỗ trợ các cơ quan và tổ chức:

- Sử dụng thông tin hiện có một cách có hiệu quả hơn
- Hiểu biết tốt hơn về cuộc sống của người dân
- Tạo cơ hội cho người nghèo tham gia xây dựng các chương trình và chính sách có tác động đến cuộc sống của họ

Để thực hiện điều này, STREAM sẽ hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng các chương trình, chính sách, đồng thời xây dựng năng lực phục vụ cho việc:

- Xác định những vấn đề quản lý nguồn lợi thủy sản có tác động đến cuộc sống của người dân
- Giám sát và đánh giá các phương thức quản lý khác nhau
- Thu thập thông tin
- Xây dựng mạng lưới nội bộ và ngoại vi giữa các ngành cũng như các quốc gia

Sáng kiến STREAM được hình thành trên cơ sở sự hợp tác và hỗ trợ giữa các đối tác AusAID, DFID, FAO, VSO với NACA. Sáng kiến STREAM hướng vào cách tiếp cận tổng thể, liên kết các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý nguồn lợi thủy sản và hỗ trợ họ tham gia thiết kế, thực hiện và quản lý sáng kiến này.

Công việc triển khai trong phạm vi hợp tác nói trên được điều phối ở từng nước thông qua Nhóm điều phối quốc gia gồm Điều phối viên (chuyên viên cấp cao được chính phủ đề cử), Trưởng phòng Thông tin Quốc gia và kết nối mạng lưới đối tác quốc gia. Trong 2 năm đầu, các Trưởng phòng Thông tin sẽ được STREAM hỗ trợ phần mềm, phần cứng, đào tạo, công nghệ thông tin, nhân sự và liên kết các đối tác trong nước thông qua mạng internet.

Hoạt động điều phối ở mỗi quốc gia sẽ được hướng dẫn trong Tài liệu chiến lược quốc gia được cập nhật hàng năm. Tài liệu này do Điều phối viên và Trưởng phòng Thông tin xây dựng với sự tư vấn của các đối tác, nhằm xác định các vấn đề chủ chốt, chỉ rõ các mối liên hệ ở cấp khu vực, những đề xuất và ưu tiên hành động, cũng như tìm kiếm thêm nguồn tài chính cho các lĩnh vực này từ phía STREAM hoặc những nhà tài trợ khác (thông qua sự trợ giúp của STREAM).

Văn phòng STREAM khu vực (đặt tại Trụ sở Ban Thư ký NACA ở Băngcốc – Thái Lan) sẽ chỉ đạo sáng kiến, thực hiện chức năng điều phối ở cấp khu vực, phân bổ kinh phí và quản lý các bộ phận phụ trách các mảng sinh kế, xây dựng chính sách, trao đổi thông tin và các vấn đề đặc biệt. Một ma trận trao đổi thông tin sẽ kết nối mọi mối quan hệ, bài học và hoạt động hợp tác.

Quá trình thực hiện STREAM sẽ diễn ra liên tục, ban đầu được thử nghiệm ở Campuchia và Việt Nam, và sẽ mở rộng ở các nước châu Á - Thái Bình Dương - nơi có cơ hội giải quyết vấn đề nghèo đói và ứng dụng phương pháp quản lý có hiệu quả. Khi đã có được kinh nghiệm và bài học, các ảnh hưởng tích cực sẽ được tạo ra và đó sẽ là cơ sở để có thêm nguồn tài trợ cho sáng kiến này. Chiến lược trao đổi thông tin của STREAM là làm tăng tác động bằng cách cố gắng phổ biến tới khắp vùng châu Á - Thái Bình Dương những kiến thức và tin tức hiện có về các diễn biến phát triển đang diễn ra ở khu vực này. Tạp chí STREAM cũng như Diễn đàn Điện tử của nó trên trang web STREAM đều là những hợp phần của chiến lược đó.

Các Trưởng phòng Thông tin Quốc gia của STREAM:

Campuchia: Sem Viryak. Địa chỉ thư điện tử: cfdo@camnet.com.kh

Philippin: Erwin Pador. Địa chỉ thư điện tử: streamstaff-phil@skynet.net

Việt Nam: Trần Ngọc Mai (tạm thời). Địa chỉ thư điện tử: streamsapa@hn.vnn.vn